TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:07/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2026.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân và ông Nguyễn Hoành Đại

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (Cơ sở 2) xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 182/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; CCCD số 038080037180. Có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1986; CCCD số 040186001957. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện tại: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2025, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp ngày 04/5/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng nên hai người đã sống ly thân từ năm 2018, trong thời gian sống ly thân mỗi người ở mỗi nơi không ai quan tâm đến nhau. Năm 2022 chị H đem con về nhà mẹ anh gửi và nói đi làm ăn, sau này anh nghe mẹ anh nói chị H sang Đài Loan làm ăn và thường xuyên gọi điện về hỏi thăm các con thì anh mới được biết chị H đã đi nước ngoài, nhưng do tình cảm không còn nên không liên lạc với nhau, thời gian sống ly thân đã lâu. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con: Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 30/8/2012 và Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 16/3/2017. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu đầu ở với anh, cháu thứ hai ở với chị H đến khi chị H đi làm ăn thì đem cháu thứ hai về gửi mẹ anh nuôi dưỡng. Nay ly hôn nguyện vọng của anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị H đi nước ngoài làm ăn và không liên lạc với anh nên anh không biết địa chỉ để cung cấp cho Tòa án, nhưng theo anh, chị H thường xuyên liên lạc về với mẹ đẻ anh và bố mẹ chị H nên anh đề nghị Tòa án xác minh thông tin của chị H để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa thu thập chứng cứ tại gia đình ông Nguyễn Hoàng T1 (bố đẻ chị H) và bà Nguyễn Thị M (mẹ chồng chị H) và giao thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử để ông T1, bà M thông báo cho chị H về quá trình giải quyết vụ án. Ông T1, bà M đồng ý nhận văn bản của Tòa án và cam đoan thông báo lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H.

Ý kiến của ông Nguyễn Hoàng T1 (bố đẻ chị H) trình bày: Chị H kết hôn với anh Nguyễn Văn T năm 2011, sau khi cưới đã chuyển khẩu về nơi ở của anh T, khoảng năm 2022 chị H đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan làm ăn gửi con ở nhà cho mẹ anh T chăm sóc, ông không biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào nhưng chị H cũng thường xuyên gọi điện về cho gia đình, khi ông nhận được thông tin từ Tòa án thông báo việc anh T làm đơn ly hôn chị H ông mới biết và đã điện thông báo luôn cho chị H được biết, nhưng do chị H ở xa không thể về được, việc ly hôn là do vợ chồng chị H, anh T ông không có ý kiến gì chỉ mong vợ chồng hòa thuận, đoàn tụ để nuôi con, mặc dù chị H thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cũng không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, vì chỉ liên lạc qua điện thoại, không gửi thư nên

không có địa chỉ để cung cấp cho Tòa án, Tòa án làm việc với mẹ anh T để biết thông tin rõ hơn vì chị H gửi con cho mẹ anh T chăm sóc nên thường xuyên gọi điện về hỏi thăm các cháu, gia đình ông và mẹ anh T đã điện trao đổi với nhau mong muốn các con hòa thuận, hạnh phúc, nếu anh T vẫn cương quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị H có hai con chung là Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 30/8/2012 và Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 16/3/2017. Hai cháu đang do anh T và mẹ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đồng ý nhận các văn bản, quyết định và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị M (Mẹ chồng chị H) trình bày: Anh T và chị H kết hôn với nhau vào năm 2011, sau khi cưới chị H về chung sống với gia đình bà, sau đó ra Hà Nội làm ăn, bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, năm 2022 chị H đem cháu thứ hai gửi bà chăm sóc và sang Đài Loan làm ăn, cháu đầu ở với anh T, từ khi đi đến nay hàng ngày chị H đều gọi điện về hỏi thăm và nói chuyện với các con, khi anh T làm đơn ly hôn bà cũng không biết nhưng do chị H nói lại với bà, bà chỉ biết chị H đi Đài Loan nhưng không biết địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án, do chị H cũng không muốn ly hôn, bà cũng mong muốn các con đoàn tụ nhưng vợ chồng anh T đã không sống chung với nhau trước khi chị H đi Đài Loan nên việc ly hôn là do vợ chồng quyết định bà không có ý kiến gì. Bà cam đoan sẽ nhận các văn bản, quyết định của Tòa án giao và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết.

Ý kiến của cháu Nguyễn Phúc Minh K và Nguyễn Thị Nhã U trình bày: Lâu nay các cháu đang ở với bố và bà nội do mẹ đi làm xa không về. Nguyện vọng của các cháu được ở với bố.

Theo đơn yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại Phòng Q Công an tỉnh T thì được biết chị Nguyễn Thị Thanh H đã xuất, nhập cảnh vào ngày 16/6/2022 qua của khẩu Sân bay Quốc tế N bằng hộ chiếu số K0174524 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại (BL: 38-39).

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, con chung giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh H tại thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh H có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp ngày 04/5/2011. Sau khi cưới vợ chồng anh T, chị H sống với mẹ anh T một thời gian sau đó ra Hà Nội làm ăn, khoảng 3 năm nay chỉ thấy anh T về còn chị H không thấy về, hiện nay chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

Về con: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh H có hai con chung Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 30/8/2012 và Nguyễn Thị Nhã U,

sinh ngày 16/3/2017, cháu đầu ở với anh trường, cháu thứ hai đang do bà M (mẹ anh T) chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về sự có mặt của Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh H: Anh T, chị H có đăng ký thường trú tại thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Anh T đi làm ăn ở Hà Nội, thường xuyên đi về, còn chị H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan nên không có mặt tại địa phương, thôn và xã không biết địa chỉ của chị H nên không cung cấp cho Tòa án được.

Nay anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con: Giao hai cháu Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 30/8/2012 và Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 16/3/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền qua lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay đang ở Đài Loan (đã xuất cảnh ngày 16/6/2022 qua cửa khẩu Sân bay quốc tế N bằng hộ chiếu số K0174524 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại tại văn bản số 3153/XNC-Đ1 ngày 17/11/2025 của Phòng Q Công an tỉnh T) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa, theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T biết chị Nguyễn Thị Thanh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị H tại nước ngoài. Anh T cung cấp được cho Tòa án địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H là gia đình bà Nguyễn Thị M (mẹ chồng chị H) tại thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa và ông Nguyễn Hoàng T1 (Bố đẻ chị H) tại thôn F, xã C, tỉnh Nghệ An. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hoàng T1 và giao Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà M và ông T1 để ông bà thông báo lại cho chị H. Ông T1 và bà M đều cam đoan sẽ thông báo cho chị H được biết, đồng thời tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại Nhà Văn hóa thôn T, UBND xã H, tỉnh Thanh Hóa và Nhà văn Hóa thôn F, xã C, tỉnh Nghệ An và Công an xã C, tỉnh Nghệ An.

Mặc dù chị H không được nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng thông qua bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hoàng T1 thông báo chị H đã biết và nhận các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị H vẫn không cho biết địa chỉ cụ thể và cũng không về tham gia giải quyết vụ án. Anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt; do đó HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 04/5/2011, như vậy hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên hai người đã sống ly thân từ năm 2018. Năm 2022 chị H

sang Đài Loan lao động từ đó hai người không liên lạc với nhau, anh T không có thông tin gì từ chị H, nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị H không còn, mục đích không đạt được anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Thông qua gia đình, chị H mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên vợ chồng sống ly thân từ trước khi chị H đi Đài Loan, từ khi chị H đi hai người không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3.2] Về con*:* Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh H có hai con chung là Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 30/8/2012 và Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 16/3/2017. Anh T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, nguyện vọng của các cháu đều mong muốn ở với bố, hơn nữa hiện nay chị H không có mặt ở nhà nên cần chấp nhận nguyện vọng của anh T và các cháu. Giao hai cháu Nguyễn Phúc Minh K và Nguyễn Thị Nhã U cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3.4] Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh H có hai con chung là Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 30/8/2012 và Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 16/3/2017.

Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Phúc Minh K và Nguyễn Thị Nhã U. Chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, anh T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0001590 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Quyền kháng cáo***:** Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND khu vực 4- Thanh Hóa*
- *THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *UBND xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Cao Thị Nga